

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**

# MỤC LỤC

----- oOo -----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-04
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06-09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12-38

---



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

### 1. Thông tin chung về công ty:

Công ty Cổ phần Khách sạn Quê Hương Liberty là công ty cổ phần được chuyển thể từ Doanh nghiệp nhà nước - Khách sạn Quê Hương - trực thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn theo quyết định số 3621/QĐ-UB của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 07 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002630 ngày 03 tháng 09 năm 2004, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2006 Công ty Cổ phần Khách sạn Quê Hương Liberty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 số 4103002630 ngày 18 tháng 05 năm 2007, thay đổi lần thứ 21 số 0303462927 ngày 21 tháng 05 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

#### Hoạt động chính của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.  
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở và nhà làm việc.
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: các dịch vụ vui chơi, giải trí, kinh doanh karaoke (không kinh doanh karaoke tại trụ sở)
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia  
Chi tiết: chế biến bia tươi (không hoạt động tại trụ sở)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải  
Chi tiết: đại lý bán vé máy bay
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động  
Chi tiết: nhà hàng; kinh doanh dịch vụ ăn uống lưu động
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu  
Chi tiết: cắt uốn tóc, hớt tóc (không hoạt động tại trụ sở)
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh  
Chi tiết: mua bán hàng mỹ nghệ; mua bán các loại hoa, lá, cây cảnh.
- Điều hành tua du lịch  
Chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành khách quốc tế và nội địa.
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)  
Chi tiết: đại lý đổi ngoại tệ.
- Vận tải hành khách đường bộ khác  
Chi tiết: kinh doanh vận chuyển khách du lịch.
- Hoạt động thể thao khác  
Chi tiết: các dịch vụ thể thao gồm du lịch săn bắn thú, chần thả.
- Hoạt động tư vấn quản lý  
Chi tiết: tư vấn quản lý hoạt động kinh doanh nhà hàng, khách sạn.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày  
Chi tiết: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở)
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)  
Chi tiết: Massage sauna (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ chăm sóc sắc đẹp.
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh  
Chi tiết: mua bán rượu các loại.
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh  
Chi tiết: mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước.
- Xây dựng nhà các loại

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)  
(Không tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng)
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình  
Chi tiết : Bán buôn mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng  
Chi tiết : Bán buôn đồ ngũ kim (hàng kim khí điện máy)

**Trụ sở chính:** 63-65 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

**Công ty con**

Công ty nắm quyền kiểm soát 51% Công ty Cổ phần Dịch vụ EZY, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311999673 ngày 09 tháng 10 năm 2012, thay đổi lần 1 ngày 13 tháng 08 năm 2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, với mức vốn điều lệ là 3.900.000.000 đồng, hoạt động trong lĩnh vực vận tải hành khách, vận tải hàng hóa.

Công ty nắm quyền kiểm soát 60% Công ty Cổ phần Du lịch Sinh thái biển Bình Châu, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000093 ngày 20 tháng 04 năm 2004, thay đổi lần 2 số 3500659526 ngày 03 tháng 09 năm 2013 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp, với mức vốn điều lệ là 12.000.000.000 đồng, hoạt động trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn và dịch vụ vui chơi giải trí.

Công ty nắm quyền kiểm soát 57,5% Công ty Cổ phần Sài Gòn - Quê Hương, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312296257 ngày 28 tháng 05 năm 2013, thay đổi lần 3 ngày 20 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, với mức vốn điều lệ là 1.200.000.000.000 đồng, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng khách sạn, nhà hàng và dịch vụ.

Công ty nắm quyền kiểm soát toàn bộ Công ty TNHH MTV Quản lý Avia, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312177098 ngày 08 tháng 03 năm 2013, thay đổi lần 5 ngày 24 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, với mức vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng, hoạt động trong lĩnh vực nhà hàng và dịch vụ.

Công ty nắm quyền kiểm soát toàn bộ Công ty TNHH MTV Khách Sạn Quốc tế Thiên Phúc, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312470473 ngày 20 tháng 09 năm 2013, thay đổi lần 2 ngày 05 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, với mức vốn điều lệ là 670.000.000.000 đồng, hoạt động trong lĩnh vực nhà hàng và dịch vụ.

Công ty nắm quyền kiểm soát toàn bộ Công ty TNHH MTV Khách sạn Quốc tế Bình Minh, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312470480 ngày 20 tháng 09 năm 2013, thay đổi lần 2 ngày 08 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, với mức vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng, hoạt động trong lĩnh vực nhà hàng và dịch vụ.

Công ty nắm quyền kiểm soát 74% Công ty Cổ phần Quản lý Khách Sạn Odyssey, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313000632 ngày 04 tháng 11 năm 2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, với mức vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, hoạt động trong lĩnh vực tư vấn quản lý khách sạn, nhà hàng và dịch vụ.

**2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động hợp nhất trong kỳ của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:**

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Việt Dũng	Chủ tịch HĐQT	
Ông Đỗ Hoàng Trang	Phó chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	
Ông Phan Quang Chất	Thành viên HĐQT	
Bà Cao Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 02/06/2015
Ông Lê Vi Luân	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 02/06/2015
Ông Nguyễn Huyền	Thành viên HĐQT	
Ông Trần Thanh Liêm	Thành viên HĐQT	
Ông Trần Thành A	Thành viên HĐQT	
Ông Trần Đoàn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Ngọc Huệ	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Bạch Lan	Thành viên
Ông Phạm Doãn Huân	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Hoàng Trang	Tổng Giám đốc
Bà Lê Bích Thu	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Trần Đoàn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hùng Dân	Trợ lý Tổng Giám đốc

**Kế toán trưởng**

Bà Nguyễn Như Quỳnh	Kế toán trưởng
---------------------	----------------

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Ông Đỗ Hoàng Trang	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

**4. Kiểm toán độc lập**

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty.

**5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**6. Xác nhận**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

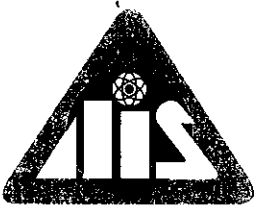
Tp HCM, ngày 31 tháng 08 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Hoàng Trang  
Tổng Giám đốc





Số: 08.15.385.SXHN/AISC-DN1

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty, được lập ngày 26 tháng 08 năm 2015, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám Đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

**Trần Hải Sơn**

Số GCNĐKHNKT: 2172-2013-05-01

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Tp.HCM, ngày 31 tháng 08 năm 2015



Giám Đốc

**Trần Văn Vinh**

Số GCNĐKHNKT: 0112-2013-05-01

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.733.002.127.877</b>	<b>1.371.234.010.702</b>
	(100 = 110+120+130+140+150)				
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>587.599.197.616</b>	<b>335.966.520.209</b>
1.	Tiền	111		184.776.693.442	104.486.520.209
2.	Các khoản tương đương tiền	112		402.822.504.174	231.480.000.000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>66.432.955.239</b>	<b>139.644.412.606</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		66.432.955.239	139.644.412.606
2.	Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.3</b>	<b>410.264.558.707</b>	<b>251.039.605.583</b>
1.	Phải thu của khách hàng	131		82.713.419.283	36.433.207.104
2.	Trả trước cho người bán	132		149.114.945.105	171.688.062.501
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135		178.671.048.751	43.059.534.810
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(234.854.432)	(141.198.832)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>516.449.285.522</b>	<b>511.269.455.521</b>
1.	Hàng tồn kho	141		516.449.285.522	511.269.455.521
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.5</b>	<b>152.256.130.793</b>	<b>133.314.016.783</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.904.064.216	7.631.080.158
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		80.082.724.290	85.078.342.395
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		445	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		65.269.341.842	40.604.594.230
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.611.848.493.039</b>	<b>3.642.068.021.672</b>
	(200 = 210+220+240+250+260)				
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.698.649.440</b>	<b>2.298.229.440</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	<b>V.6</b>	9.698.649.440	2.298.229.440
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.618.853.293.260</b>	<b>2.583.709.390.156</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.691.198.398.025	1.695.875.365.464
- Nguyên giá	222		1.862.450.770.120	1.840.531.319.982
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171.252.372.095)	(144.655.954.518)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	116.748.560.146	130.454.044.714
- Nguyên giá	228		121.493.705.579	135.993.219.631
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.745.145.433)	(5.539.174.917)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	810.906.335.089	757.379.979.978
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>524.433.577.199</b>	<b>582.571.050.698</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		150.525.822.510	147.854.549.947
3. Đầu tư dài hạn khác	258		373.907.754.689	434.716.500.751
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>458.862.973.140</b>	<b>473.489.351.378</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	391.889.100.049	408.660.859.830
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		62.044.062.325	59.625.848.687
3. Tài sản dài hạn khác	263		694.829.335	685.329.335
4. Lợi thế thương mại	269		4.234.981.431	4.517.313.526
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>270</b>		<b>5.344.850.620.916</b>	<b>5.013.302.032.374</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.974.278.045.477</b>	<b>2.614.425.323.600</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.299.299.697.830</b>	<b>1.028.250.519.880</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	302.116.125.297	59.517.897.915
2.	Phải trả cho người bán	312	V.13	53.243.030.860	120.578.700.441
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.14	737.617.276.499	646.283.156.490
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	27.687.064.825	121.685.875.029
5.	Phải trả người lao động	315	V.16	24.285.059.550	38.193.432.273
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	40.032.876.989	23.520.055.296
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	107.345.375.669	9.997.044.291
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.972.888.141	8.474.358.145
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.674.978.347.647</b>	<b>1.586.174.803.720</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.19	39.837.414.891	32.743.292.504
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1.633.754.900.501	1.552.183.532.064
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		372.247.382	372.247.382
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		1.013.784.873	875.731.770
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>2.370.572.575.439</b>	<b>2.398.876.708.774</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.370.572.575.439</b>	<b>2.398.876.708.774</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	876.147.430.000	876.147.430.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	917.438.966.365	917.438.966.365
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.21	(1.970.000)	(1.970.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	19.175.065.480	19.175.065.480
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	30.470.742.290	30.470.742.290
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	2.805.532.638	36.106.258.257
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		524.536.808.667	519.540.216.382
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.344.850.620.916</b>	<b>5.013.302.032.374</b>

Người Lập



Nguyễn Thị Bích Tuyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Như Quỳnh

Tp. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2015



Đỗ Hoàng Trang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

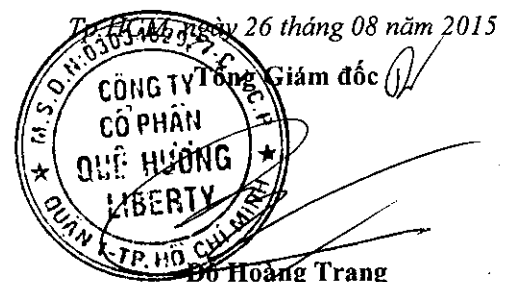
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	547.183.954.621	377.371.249.189
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.043.558.833	845.664.183
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		546.140.395.788	376.525.585.006
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	391.533.089.234	269.711.167.267
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		154.607.306.554	106.814.417.739
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.597.311.401	5.663.865.844
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	76.488.360.057	35.542.745.524
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		65.986.778.358	35.499.879.213
8. Chi phí bán hàng	24		338.619	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	27.369.570.825	18.139.994.488
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		64.346.348.454	58.795.543.571
11. Thu nhập khác	31		4.504.361.079	1.097.253.675
12. Chi phí khác	32		936.032.725	154.666.957
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.568.328.354	942.586.718
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(1.738.727.437)	(1.318.471.609)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		67.914.676.808	59.738.130.289
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	19.713.172.728	13.609.232.494
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2.418.213.639)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 45 - 51 - 52)	60		48.880.990.281	44.810.426.185
19. Chia lãi hợp tác kinh doanh	55		296.393.821	571.118.413
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		5.904.454.641	170.301.136
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (62 = 60 - 55 - 61)	62		42.680.141.820	44.069.006.636
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	487	503

Người Lập

Nguyễn Thị Bích Tuyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Như Quỳnh



CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.501.317.254.804	508.994.239.964
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(951.258.799.830)	(455.608.654.718)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(103.285.347.221)	(86.267.026.254)
Tiền chi trả lãi vay	04	(67.106.570.872)	(61.719.666.330)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(87.760.474.694)	(23.500.890.437)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	168.566.588.271	262.572.732.773
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(202.401.427.007)	(112.888.325.686)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>258.071.223.451</b>	<b>31.582.409.312</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(154.430.105.741)	(511.837.401.963)
Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.519.148.891	180.797.309
Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ	23	(95.070.354.387)	(216.556.131.018)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	161.299.999.998	77.915.000.000
Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	(23.206.515.788)	(137.187.960.000)
Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	42.420.717	106.600.000.000
Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	10.051.793.246	4.816.041.831
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(98.793.613.064)</b>	<b>(676.069.653.841)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	808.445.081.524	1.269.379.007.215
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(524.625.682.905)	(501.658.367.700)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(191.504.602.500)	(41.770.673.350)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>92.314.796.119</b>	<b>725.949.966.165</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>251.592.406.506</b>	<b>81.462.721.636</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	335.966.520.209	168.064.885.709
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	40.270.901	75.770.991
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>587.599.197.616</b>	<b>249.603.378.336</b>

Người Lập

Nguyễn Thị Bích Tuyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Như Quỳnh



Đỗ Hoàng Trang

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. Đặc điểm hoạt động của Công ty mẹ

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh: Khách sạn, nhà hàng, dịch vụ, kinh doanh bất động sản

### 2. Đặc điểm hoạt động của Công ty con

Tổng số các công ty con: 08 đơn vị

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 08 công ty

#### Công ty TNHH Quản Lý Khách Sạn Liberty

Địa chỉ: Tầng 19, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%

Ngành nghề kinh doanh: hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); điều hành tua du lịch; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới); cho thuê xe có động cơ; đại lý du lịch; dịch vụ lưu trú ngắn ngày; vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng

#### Công ty TNHH MTV Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc

Địa chỉ: 167 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%

Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ kinh doanh vũ trường, quầy bar, hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng); sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; cắt tóc, làm đầu, gội đầu; bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; điều hành tua du lịch; hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội); vận tải hành khách đường bộ khác; bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh; xây dựng nhà các loại.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 670.000.000.000 đồng

#### Công ty TNHH MTV Khách sạn Quốc tế Bình Minh

Địa chỉ: 148 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%

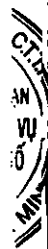
Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ kinh doanh vũ trường, quầy bar, hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng); sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; cắt tóc, làm đầu, gội đầu; bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; điều hành tua du lịch; hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội); vận tải hành khách đường bộ khác; bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh; xây dựng nhà các loại.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 900.000.000.000 đồng

#### Công ty Cổ phần Quản Lý Khách Sạn Odyssea

Địa chỉ: Tầng 19, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 74%



Ngành nghề kinh doanh: hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); điều hành tua du lịch; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới); cho thuê xe có động cơ; đại lý du lịch; dịch vụ lưu trú ngắn ngày; vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 5.000.000.000 đồng

**Công ty Cổ phần Dịch vụ EZY**

Địa chỉ: 135 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 51%

Ngành nghề kinh doanh: vận tải hành khách đường bộ khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vệ sinh chung nhà cửa; đại lý bán vé máy bay; bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; vệ sinh nhà cửa và các công trình khác.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 3.900.000.000 đồng

**Công ty Cổ phần Du lịch Sinh thái biển Bình Châu**

Địa chỉ: Ấp khu 1, Xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 60%

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, biệt thự, căn hộ có kinh doanh du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ; Kinh doanh khu vui chơi giải trí.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 12.000.000.000 đồng

**Công ty Cổ phần Sài Gòn - Quê Hương**

Địa chỉ: 148 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 57,5%

Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ lưu trú ngắn ngày; sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; cắt tóc, làm đầu, gội đầu; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; hoạt động tư vấn quản lý; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; điều hành tua du lịch; bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội); bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh; vận tải hành khách đường bộ khác; xây dựng nhà các loại; hoạt động phát hành phim điện ảnh; phim video và chương trình truyền hình; bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.200.000.000.000 đồng

**Công ty TNHH MTV Quản lý Avia**

Địa chỉ: 63 - 65 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%

Ngành nghề kinh doanh: hoạt động tư vấn quản lý; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu; bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh; điều hành tua du lịch; vận tải hành khách đường bộ khác; xây dựng nhà các loại; hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 80.000.000.000 đồng

**3. Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo Tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

**Công ty Cổ phần Khatoco - Liberty**

Địa chỉ: Số 9 Biệt Thự, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Tỷ lệ phần sở hữu: 38,72%

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh dịch vụ khách sạn; du lịch lữ hành trong nước và quốc tế; vận tải hành khách đường bộ khác; bán hàng lưu niệm; dịch vụ vui chơi giải trí khác; dịch vụ du lịch lặn biển; dịch vụ ăn uống giải khát; mua bán rượu bia và thuốc lá.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 100.000.000.000 đồng

## Công ty Cổ phần Vật phẩm Văn hóa Sài Gòn

Địa chỉ: 1120 Võ Văn Kiệt, Phường 6, Quận 5, Tp.HCM

Tỷ lệ phần sở hữu: 38,19%

Ngành nghề kinh doanh: bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; quảng cáo; in ấn; sản xuất khác chưa được phân vào đâu; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; dịch vụ phục vụ đồ uống; hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình; cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 40.000.000.000 đồng

## Công ty Cổ phần Cảnh Quan Xanh

Địa chỉ: 118 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM

Tỷ lệ phần sở hữu: 24,05%

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Xây dựng công trình công ích; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chuẩn bị mặt bằng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Vệ sinh chung nhà cửa.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 20.000.000.000 đồng

## Công ty Cổ phần Caric

Địa chỉ: 16 Đào Trí, Phường Phú Thuận, Quận 7, Tp.HCM

Tỷ lệ phần sở hữu: 47,36%

Ngành nghề kinh doanh: đóng tàu và cấu kiện nổi; điều hành tua du lịch; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; hoàn thiện công trình xây dựng; giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú; dịch vụ lưu trú ngắn ngày; sản xuất ca cao, sôcôla, mứt kẹo; sản xuất các loại bánh từ bột; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở); đại lý du lịch; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; xây dựng nhà các loại.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 145.600.000.000 đồng

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư này thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



Ngày 18 tháng 05 năm 2015, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 75/2015/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 75") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/07/2015. Theo đó, cho phép doanh nghiệp được lựa chọn lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2015 theo quy định tại quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 hoặc theo thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty lựa chọn lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các thông tư sửa đổi bổ sung.

## 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính" và chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 " Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con".

## 3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính

# IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

## 1. Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty kể từ ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty con và sẽ không được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát này thật sự chấm dứt.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

##### 5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

##### *Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

##### 5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

##### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

##### *Quyền sử dụng đất*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

##### 5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
Phần mềm máy vi tính	03 năm

*Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

*Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.*

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết:** được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản vốn ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác:** Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các dự án hay đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

#### Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Nếu không xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

**Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:** Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm:** Chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí khai trương, chi phí trước thành lập, giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45 và các chi phí khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Giá trị còn lại của các công trình xây dựng được đập đi để xây mới được phân bổ trong vòng 10 năm. Riêng giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45 được phân bổ không quá 3 năm.

**10. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh khi mua công ty con được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là mười năm. Nếu chi phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:**

**Chi phí phải trả:** được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí tiền điện, tiền nước, lãi vay phải trả và các chi phí phải trả khác.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:** được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**13. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

#### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

#### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng cho năm tài chính hiện hành là 22%.

#### **17. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối kỳ kế toán.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng Đông Á công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Tỷ giá quy đổi tại ngày 30/06/2015: 21.790 VND/USD.

Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"), và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo Thông tư 179 và theo VAS 10 không có sự khác biệt trọng yếu ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của năm hiện hành.

#### **18. Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

##### **Tài sản tài chính**

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay, nợ phải trả tài chính khác.

##### **Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**19. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty CP Quê Hương Liberty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty CP Quê Hương Liberty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<b>Tiền</b>	<b>184.776.693.442</b>	<b>104.486.520.209</b>
Tiền mặt	2.075.168.977	6.240.375.932
<i>Tiền mặt VNĐ</i>	<i>1.926.205.517</i>	<i>6.193.968.732</i>
<i>Tiền mặt ngoại tệ</i>	<i>148.963.460</i>	<i>46.407.200</i>
Tiền gửi ngân hàng	182.343.586.262	97.395.630.549
<i>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</i>	<i>177.392.257.401</i>	<i>94.935.430.643</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ</i>	<i>4.951.328.861</i>	<i>2.460.199.906</i>
Tiền đang chuyển	357.938.203	850.513.728
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>402.822.504.174</b>	<b>231.480.000.000</b>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)</i>	<i>402.822.504.174</i>	<i>231.480.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>587.599.197.616</b>	<b>335.966.520.209</b>

(\*) Trong đó các khoản tiền gửi có kỳ hạn đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 giá trị là 221.710.468.941 VNĐ.

<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Đầu tư ngắn hạn khác	66.432.955.239	139.644.412.606
<i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>95.000.000.000</i>
<i>Cho vay cá nhân</i>	<i>17.500.000.000</i>	<i>13.919.645.613</i>
<i>Cho vay tổ chức kinh tế khác</i>	<i>18.932.955.239</i>	<i>30.724.766.993</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>66.432.955.239</b>	<b>139.644.412.606</b>

<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
---------------------------------------	-------------------	-------------------

<b>3.1 Phải thu khách hàng</b>	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Phải thu khách hàng hoạt động chính	82.713.419.283	36.433.207.104
<b>Cộng</b>	<b>82.713.419.283</b>	<b>36.433.207.104</b>

**3.2 Trả trước cho người bán**

Khách hàng trong nước	149.114.945.105	171.688.062.501
<b>Cộng</b>	<b>149.114.945.105</b>	<b>171.688.062.501</b>

**3.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

Thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ	616.751.008	1.645.491.284
Tạm ứng cổ tức năm 2015	125.096.015.500	-
Phải thu lãi hợp đồng tín dụng	2.631.283.495	146.677.971
Phải thu Công ty CP Bông Sen (*)	15.050.000.000	15.050.000.000
Đối tượng khác	35.276.998.748	26.217.365.555
<b>Cộng</b>	<b>178.671.048.751</b>	<b>43.059.534.810</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>410.499.413.139</b>	<b>251.180.804.415</b>
<b>Dự phòng phải thu khó đòi (-)</b>	<b>(234.854.432)</b>	<b>(141.198.832)</b>
<b>Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>410.264.558.707</b>	<b>251.039.605.583</b>

(\*) Khoản tiền Công ty góp vốn hộ cho Công ty Cổ phần Bông Sen vào Công ty Cổ phần Du lịch Khánh Tâm.

**4. Hàng tồn kho**

	30/06/2015	01/01/2015
Nguyên liệu, vật liệu	1.885.956.374	2.199.137.250
Công cụ, dụng cụ	250.933.578	63.657.381
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	440.929.174.660	418.343.028.452
Hàng hoá	4.190.772.564	4.115.066.712
Hàng hoá bất động sản	69.192.448.346	86.548.565.726
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>516.449.285.522</b>	<b>511.269.455.521</b>
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>516.449.285.522</b>	<b>511.269.455.521</b>

(\*) Đây là chi phí xây dựng liên quan đến dự án Khách sạn Citypoint tại số 59-61 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM theo Hợp đồng ủy quyền số 34/UQ-VHSG ký ngày 23/12/2013 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 19/HĐ-2013 ký ngày 27/09/2013 giữa Công ty CP Sài Gòn - Quê Hương (Công ty con) và Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV.

- Giá trị ghi sổ của hàng hóa bất động sản dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: 34.564.959.500 VNĐ

- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ: 0 VNĐ

- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không phát sinh.

**5. Tài sản ngắn hạn khác****5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ dụng cụ	1.013.997.164	5.092.666.934
Chi phí sửa chữa nhỏ	712.154.337	236.099.299
Chi phí marketing	332.789.161	169.411.257
Chi phí khác	4.845.123.554	2.132.902.668
<b>Cộng</b>	<b>6.904.064.216</b>	<b>7.631.080.158</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 5.2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ	582.259.005	31.975.867.587
Thuế giá trị gia tăng của TSCĐ	79.500.465.285	53.102.474.898
<b>Cộng</b>	<b>80.082.724.290</b>	<b>85.078.342.395</b>

## 5.3 Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng	65.176.741.842	33.112.274.230
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	92.600.000	7.492.320.000
<b>Cộng</b>	<b>65.269.341.842</b>	<b>40.604.594.230</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>152.256.130.793</b>	<b>133.314.016.783</b>

## 6. Phải thu dài hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015
Ký quỹ thuê kho Long An	34.849.440	34.849.440
Ký quỹ Công ty CP Đầu Tư Thương Mại Châu Âu	7.450.000.000	-
Ký quỹ Công ty CP Xây dựng Tư vấn Sài Gòn	2.000.000.000	2.000.000.000
Ký quỹ thuê tầng hầm 49 Pasteur	45.000.000	45.000.000
Ký quỹ thuê nhà 85 Đồng Khởi	65.000.000	65.000.000
Ký quỹ thuê nhà 28 Lê Lợi	100.000.000	100.000.000
Ký quỹ Công ty TNHH Metro Cash & Carry VN	-	30.000.000
Đối tượng khác	3.800.000	23.380.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.698.649.440</b>	<b>2.298.229.440</b>

## 7. Tài sản cố định hữu hình: Xem thuyết minh tại trang 36

## 8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	131.391.365.342	4.543.294.289	58.560.000	135.993.219.631
<i>Mua trong kỳ</i>	-	-	-	-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	14.499.514.052	-	-	14.499.514.052
Số dư cuối kỳ	116.891.851.290	4.543.294.289	58.560.000	121.493.705.579
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	2.806.202.525	2.674.412.392	58.560.000	5.539.174.917
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	870.415.789	582.979.428	-	1.453.395.217
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	2.247.424.701	-	-	2.247.424.701
Số dư cuối kỳ	1.429.193.613	3.257.391.820	58.560.000	4.745.145.433
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	128.585.162.817	1.868.881.897	-	130.454.044.714
Số dư cuối kỳ	115.462.657.677	1.285.902.469	-	116.748.560.146

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

\* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 76.787.827.566 VNĐ

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 185.020.741 VNĐ

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2015	01/01/2015
Mua sắm tài sản cố định	76.918.155	448.918.860
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	810.829.416.934	756.931.061.118
<i>Công trình xây mới Khách sạn Liberty Central</i>	-	5.492.796.091
<i>Dự án Khách Sạn Pullman Saigon Centre</i>	479.312.801.380	466.057.531.250
<i>Cải tạo nâng cấp Nhà hàng Á Đông</i>	716.073.291	671.073.291
<i>Cải tạo nâng cấp Khách sạn Quê Hương 3</i>	11.928.242.764	10.129.481.217
<i>Thi công gia cố Khách sạn Quê Hương 4</i>	186.818.182	81.818.182
<i>Dự án Plumeria Villa</i>	86.861.490.348	45.122.922.909
<i>Dự án Liberty Central Saigon Riverside</i>	203.733.714.670	208.877.046.690
<i>Dự án Trung tâm Hội nghị &amp; Tiệc cưới Metropole</i>	12.557.379.444	11.068.899.847
<i>Dự án Khu du lịch Sinh thái Biển Bình Châu</i>	7.931.291.077	7.930.301.677
<i>Dự án Nhà hàng 415 Hoàng Văn Thụ</i>	7.601.605.778	1.499.189.964
<b>Cộng</b>	<b>810.906.335.089</b>	<b>757.379.979.978</b>

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>150.525.822.510</b>		<b>147.854.549.947</b>
Công ty CP Khatoco - Liberty	3.872.000	43.449.556.906	3.872.000	43.631.221.803
Công ty CP Caric (1)	6.895.914	62.077.806.183	6.454.914	59.221.828.751
Công ty CP Du Lịch Khánh Tâm	2.230.000	22.300.000.000	2.230.000	22.300.000.000
Công ty CP Vật Phẩm Văn Hóa Sài Gòn	1.527.600	16.674.148.838	1.527.600	16.583.146.171
Công ty CP Cảnh Quan Xanh	481.000	6.024.310.583	481.000	6.118.353.222
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>373.907.754.689</b>		<b>434.716.500.751</b>
Trung tâm Hội Nghị & Tiệc cưới Metropole (2)		144.291.177.822		146.792.302.344
Khách sạn Liberty Central Saigon Riverside (3)		220.798.867.978		223.106.489.518
Công ty TNHH TM Việt Trang (4)		-		56.000.000.000
Công ty CP Giặt Ủi Việt	881.771	8.817.708.889	881.771	8.817.708.889
<b>Cộng</b>		<b>524.433.577.199</b>		<b>582.571.050.698</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- (1) Mua cổ phần thông qua đấu giá của Công ty CP Caric theo thông báo nộp tiền mua cổ phần ngày 11/06/2015, số lượng cổ phần mua là 441.000 cổ phần, tổng giá trị cổ phần mua là 4.410.000.000 VNĐ, nâng tỷ lệ góp vốn vào Công ty CP Caric là 47,36%.
- (2) Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty CP Xây dựng Tư vấn Sài Gòn bằng giá trị công trình xây dựng tại 216 Lý Chính Thắng, Phường 9, Quận 3, Tp.HCM.
- (3) Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty CP Caric bằng giá trị công trình xây dựng tại 17 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.
- (4) Chuyển nhượng phần vốn góp theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 25/04/2015.

11. Tài sản dài hạn khác	30/06/2015	01/01/2015
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí di dời mặt bằng 85 Đồng Khởi Q.1	8.000.000.000	8.000.000.000
Chi phí trước thành lập TT HN & TC Metropole	102.656.009	302.699.424
Chi phí trước thành lập Liberty Central Saigon Riverside	1.009.865.456	1.408.828.415
Chi phí của Khách sạn Pullman Saigon Centre	43.966.769.932	43.966.769.932
Chi phí di dời mặt bằng 28 Lê Lợi Q.1	1.680.000.000	2.310.000.000
Chi phí sửa chữa nhỏ	711.012.601	1.287.735.242
Chi phí công cụ dụng cụ	41.641.144.659	41.947.025.739
Chi phí của Khách sạn Novotel Saigon Centre	200.563.883.726	209.547.383.726
Chi phí của Khách sạn Liberty Central Saigon Centre	32.838.151.114	41.383.319.427
Chi phí khác	61.375.616.552	58.507.097.925
<b>Cộng</b>	<b>391.889.100.049</b>	<b>408.660.859.830</b>
<b>12. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Vay ngắn hạn VNĐ	302.116.125.297	59.517.897.915
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN	-	38.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (1)	60.086.999.612	17.897.915
Ngân hàng TNHH Indovina (2)	137.170.800.000	-
Ngân hàng TNHH Indovina (3)	1.665.507.900	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Tp.HCM (4)	44.810.976.285	-
Vay các cá nhân khác (5)	58.381.841.500	21.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>302.116.125.297</b>	<b>59.517.897.915</b>

(1) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo hợp đồng hạn mức thấu chi số 0261/2015/HĐTD1/BVB03 ngày 22/06/2015, hạn mức tín dụng được cấp là 61 tỷ VNĐ, lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân, thời hạn hạn mức thấu chi từ ngày 22/06/2015 đến ngày 15/07/2015; Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo là 4 hợp đồng tiền gửi với tổng trị giá 61.268.277.778 VNĐ dùng để đảm bảo cho số dư nợ 60.086.999.612 VNĐ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(2) Vay Ngân hàng TNHH Indovina theo hợp đồng vay số 86/0615/StLtd/6287099 ngày 25/06/2015, hạn mức tín dụng được cấp là 160 tỷ VNĐ, lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân. Thanh toán cả gốc và lãi tại ngày 10/7/2015. Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là 8 chứng chỉ tiền gửi của công ty tại ngân hàng với tổng trị giá 160.442.191.163 VNĐ dùng để đảm bảo cho số dư nợ 137.170.800.000 VNĐ.

(3) Vay ngân hàng Indovina theo hợp đồng số 24/0215/CLc/6289000 ngày 12/02/2015, hạn mức vay: 2.000.000.000 VNĐ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Tài sản đảm bảo: 6 chiếc xe ô tô Toyota Innova BKS: 51A-036.42, 51A-036.43, 51A-432.62, 51A-791.85, Xe ô tô Hyundai (Starex) BKS 51A-450.13, và xe ô tô Ford Transit Luxury BKS 51A-118.09.

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 0128/KH/15NH/TL ký ngày 09 tháng 6 năm 2015. Số tiền vay là 47.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay là 12 tháng tính theo từng lần rút vốn, lãi suất vay áp dụng theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Thanh toán tiền thuê giá trị gia tăng. Tài sản đảm bảo: Khách sạn Novotel Saigon Centre địa chỉ số 167 Hai Bà Trưng, P.6, Quận 3, Tp HCM.

(5) Vay các cá nhân với thời hạn vay từ 2 đến 6 tháng; lãi suất cho vay theo quy định trong từng hợp đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo: tín chấp.

13. Phải trả người bán	30/06/2015	01/01/2015
Nhà cung cấp trong nước	53.243.030.860	120.578.700.441
Nhà cung cấp nước ngoài	-	-
<b>Cộng</b>	<b>53.243.030.860</b>	<b>120.578.700.441</b>

14. Người mua trả tiền trước	30/06/2015	01/01/2015
Khách hàng ứng trước hoạt động chính (*)	737.617.276.499	646.283.156.490
Khách hàng ứng trước hoạt động khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>737.617.276.499</b>	<b>646.283.156.490</b>

(\*) Trong đó khoản ứng tiền trước tính đến ngày 30/06/2015 của khách hàng theo hợp đồng mua bán ngày 24 tháng 6 năm 2015 là 713 tỷ.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/06/2015	01/01/2015
Thuế giá trị gia tăng	7.482.907.542	36.121.740.441
Thuế tiêu thụ đặc biệt	156.793.271	147.715.005
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.843.119.524	75.021.927.529
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.004.926.911	6.724.352.591
Thuế thu nhập cá nhân	6.887.961.743	1.875.368.907
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	311.355.834	1.794.770.556
<b>Cộng</b>	<b>27.687.064.825</b>	<b>121.685.875.029</b>

16. Phải trả người lao động	30/06/2015	01/01/2015
Tiền lương công nhân viên	24.285.059.550	38.193.432.273
<b>Cộng</b>	<b>24.285.059.550</b>	<b>38.193.432.273</b>

17. Chi phí phải trả	30/06/2015	01/01/2015
Chi phí lãi vay	4.634.158.494	5.246.263.303
Chi phí hoa hồng	764.171.070	942.643.264

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi phí của Khách sạn Novotel Saigon Centre	2.965.627.534	522.886.364
Chi phí của Khách sạn Pullman Saigon Centre	9.205.899.033	12.802.781.666
Chi phí của Khách sạn Liberty Central Saigon Citypoint	4.516.711.743	-
Chi phí thuê mặt bằng	337.325.625	-
Chi phí hợp tác kinh doanh	6.660.000.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản	1.829.389.091	3.241.609.213
Chi phí khác	9.119.594.399	763.871.486
<b>Cộng</b>	<b>40.032.876.989</b>	<b>23.520.055.296</b>
<b>18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	3.508.909.507	2.074.342.495
Công ty TNHH GO2	205.249.000	201.207.000
Khoản phải trả hợp tác kinh doanh	12.881.826.424	4.887.478.173
Khoản cổ tức phải trả	611.302.148	611.302.148
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn Greenview	84.000.000.000	-
Khoản phải trả khác	6.138.088.590	2.222.714.475
<b>Cộng</b>	<b>107.345.375.669</b>	<b>9.997.044.291</b>
<b>19. Phải trả dài hạn khác</b>	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam	1.574.370.000	1.574.370.000
Công ty Nam San	950.000.000	-
Công ty Cảnh Quan Xanh	3.510.000.000	-
Công ty Việt Thái Quốc Tế	2.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đông Á	290.768.000	-
Công ty TNHH Truyền thông Megastar	11.633.000.000	11.633.000.000
Công ty CP TM DV Cồng Vàng	541.800.000	541.800.000
VPĐD AAPC Singapore Pte.,Ltd	611.424.000	611.424.000
Đối tượng khác	18.726.052.891	18.382.698.504
<b>Cộng</b>	<b>39.837.414.891</b>	<b>32.743.292.504</b>
<b>20. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.633.754.900.501</b>	<b>1.545.056.890.064</b>
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (1)	163.514.121.354	163.514.121.354
Ngân hàng Common Wealth (2)	57.948.841.261	67.850.712.158
Ngân hàng TNHH Indovina (3)	7.800.000.003	7.919.645.613
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Quận 7 (4)	186.000.000.000	140.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Tp.HCM (5)	522.916.130.397	533.916.130.397
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Tp.HCM (6)	695.575.807.486	631.856.280.542
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>7.126.642.000</b>
Công ty Việt Thái Quốc Tế	-	2.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ký quỹ Công ty Cảnh Quan Xanh	-	3.510.000.000
Ký quỹ Công ty Nam San	-	950.000.000
Ký quỹ Ngân hàng TMCP Đông Á	-	290.768.000
Ký quỹ Công ty Chứng khoán Nam An	-	152.874.000
Ký quỹ của Công ty CP TV ĐT XD Công Nghệ Xanh	-	120.000.000
Phải trả dài hạn khác	-	103.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.633.754.900.501</b>	<b>1.552.183.532.064</b>

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo Hợp đồng tín dụng số 0002/2013/HĐTD1/BVB03 ngày 17/01/2013, số tiền cho vay là 210.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Đầu tư dự án "Khách sạn Liberty Central Riverside" tại địa chỉ số 17 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp.HCM.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại số 175, 181/1, 181/2, 181/3 Lê Thánh Tôn và công trình xây dựng KS Liberty Central tại số 175, 177, 179, 181/1, 181/2, 181/3 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.

(2) Khoản vay Ngân hàng CommonWealth theo Hợp đồng tín dụng số 500112253/FL-CBAVN ngày 19/10/2012, số tiền vay là 45 tỷ đồng và Hợp đồng tín dụng số 500113125/FL-CBAVN ngày 13/06/2013, số tiền vay là 38.916.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Tài trợ chi phí xây dựng đầu tư dự án "Trung tâm tiệc cưới Metropole", tài trợ chi phí xây dựng khách sạn Riverside tại 17 Tôn Đức Thắng, Quận 1 TP.HCM. Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại số 5 tầng 1 Lưu Văn Lang, P. Bến Thành, Q.1 Tp.HCM; Quyền sử dụng đất tại tầng 1 số 135 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1 Tp.HCM; Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 63-65 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM theo hợp đồng thế chấp sửa đổi lần thứ 2 số 500112253-01/FL-CBAVN, 500112253-03/FL-CBAVN, 500112253-04/FL-CBAVN ngày 15/05/2015; và hợp đồng số 500112253/FL-CBAVN ký ngày 15/05/2015.

(3) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina theo Hợp đồng tín dụng số 66/0714/MTLrc/6287099 ngày 28/08/2014, hạn mức vay là 8.100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Tái tài trợ và tài trợ dự án nâng cấp khách sạn Liberty Saigon Greenview tại 187 Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. HCM. Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án nâng cấp khách sạn Liberty Saigon Greenview bao gồm trang thiết bị khách sạn, trang thiết bị vệ sinh, trang trí nội thất và toàn bộ dòng tiền từ việc khai thác khách sạn.

(4) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quận 7, theo Hợp đồng tín dụng số 14.45.0026/2014-HĐTDDA/NHCT924-SQ CORP ngày 01/12/2014, số tiền cho vay là 300.000.000.000 VNĐ. Thời hạn vay vốn: tối đa 138 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: thanh toán các chi phí để thực hiện dự án Văn Hóa - Khách Sạn tại số 59-61 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM. Tài sản đảm bảo: Quyền tài sản từ Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh số 19/HĐ-2013 ngày 27/09/2013.

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN theo Hợp đồng tín dụng số 0040/ĐTDA/12CD ngày 22/11/2012, hạn mức tín dụng là 600 tỷ đồng, thời hạn hạn mức tín dụng là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý hợp lệ và hợp pháp thuộc dự án Đầu tư xây dựng Khách sạn QH1 (Novotel Saigon Centre). Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại số 165 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3 và các quyền phát sinh từ hợp đồng thuê đất; tài sản gắn liền trên đất tại 165-167 Hai Bà Trưng thuộc dự án nhưng không giới hạn hệ thống máy móc thiết bị.

(6) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN theo Hợp đồng tín dụng số 0015/ĐTDA/14CD ngày 21/05/2014, số tiền cho vay là 800.000.000.000 VNĐ, thời hạn rút vốn từ ngày ký hợp đồng tới 10/04/2016. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Thời hạn cho vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay: Thanh toán bù đắp chi phí vượt vốn tự có & thanh toán trực tiếp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan đến việc đầu tư dự án khách sạn Pullman Sài Gòn Centre số 148 Trần Hưng Đạo. Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1, địa chỉ 148 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM cùng toàn bộ tài sản hình thành trên đất thuộc dự án công trình Khách sạn Pullman Sài Gòn Centre.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**21. Vốn chủ sở hữu**

<b>a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Vốn góp của Nhà nước	126.516.073.500	126.516.073.500
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	749.629.386.500	749.629.386.500
Cổ phiếu quỹ	1.970.000	1.970.000
<b>Cộng</b>	<b>876.147.430.000</b>	<b>876.147.430.000</b>

**b. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu:** Xem Thuyết minh tại trang 37

**c. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Vốn góp đầu kỳ	876.147.430.000	876.147.430.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	876.147.430.000	876.147.430.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	74.962.939.000	49.864.685.550

<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>30/06/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	87.614.743	87.614.743
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	87.614.743	87.614.743
Cổ phiếu thường	87.614.743	87.614.743
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	197	197
Cổ phiếu thường	197	197
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.614.546	87.614.546
Cổ phiếu thường	87.614.546	87.614.546
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD**

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Doanh thu cung cấp dịch vụ	492.425.744.252	377.371.249.189
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	54.758.210.369	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>547.183.954.621</b>	<b>377.371.249.189</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.043.558.833	845.664.183
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.043.558.833	845.664.183
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>546.140.395.788</b>	<b>376.525.585.006</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn cung cấp dịch vụ	339.788.070.899	269.711.167.267
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	51.745.018.335	-
<b>Cộng</b>	<b>391.533.089.234</b>	<b>269.711.167.267</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.881.444.226	4.866.250.846
Cổ tức, lợi nhuận được chia	129.870.000	130.000.000
Doanh thu hợp tác liên doanh	605.360.000	587.518.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	163.898.146	79.996.198
Doanh thu tài chính khác	816.739.029	100.000
<b>Cộng</b>	<b>13.597.311.401</b>	<b>5.663.865.844</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	65.986.778.358	35.499.879.213
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	131.788.942	33.775.402
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	10.361.386.846	-
Chi phí tài chính khác	8.405.911	9.090.909
<b>Cộng</b>	<b>76.488.360.057</b>	<b>35.542.745.524</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	13.592.279.391	10.168.848.104
Chi phí khấu hao TSCĐ	442.420.625	31.756.145
Thuế, phí và lệ phí	217.042.873	412.432.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.581.502.567	514.295.801
Chi phí bằng tiền khác	11.536.325.369	7.012.661.782
<b>Cộng</b>	<b>27.369.570.825</b>	<b>18.139.994.488</b>
<b>6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>67.914.676.808</b>	<b>59.738.130.289</b>
<b>2. Chi phí thuế TNDN trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>19.713.172.728</b>	<b>13.609.232.494</b>
3. Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>4. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>19.713.172.728</b>	<b>13.609.232.494</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.680.141.820	44.069.006.636
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	42.680.141.820	44.069.006.636
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	87.614.546	87.614.546
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	487	503

**8. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản  
 Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**8.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản cho vay, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 30 tháng 06 năm 2014.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Tăng/giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</b>		
VNĐ	+ 200	(25.738.783.305)
VNĐ	- 200	25.738.783.305
Ngoại tệ (USD)	+ 100	50.488.733
Ngoại tệ (USD)	- 100	(50.488.733)
<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014</b>		
VNĐ	+ 100	(14.609.087.309)
VNĐ	- 100	14.609.087.309
Ngoại tệ (USD)	+ 50	15.501.597
Ngoại tệ (USD)	- 50	(15.501.597)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**8.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**8.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

	VNĐ			
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
<b>30 tháng 06 năm 2015</b>				
Các khoản vay và nợ	302.116.125.297	65.748.841.264	1.568.006.059.237	1.935.871.025.798
Phải trả người bán	53.243.030.860	-	-	53.243.030.860
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	124.032.876.989	21.628.244.891	18.209.170.000	163.870.291.880
	<b>479.392.033.146</b>	<b>87.377.086.155</b>	<b>1.586.215.229.237</b>	<b>2.152.984.348.538</b>
<b>31 tháng 12 năm 2014</b>				
Các khoản vay và nợ	59.517.897.915	78.436.999.771	1.473.746.532.293	1.611.701.429.979
Phải trả người bán	120.578.700.441	-	-	120.578.700.441
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	23.520.055.296	1.526.424.000	31.216.868.504	56.263.347.800
	<b>203.616.653.652</b>	<b>79.963.423.771</b>	<b>1.504.963.400.797</b>	<b>1.788.543.478.220</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.12.1 và V.14).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Xem thuyết minh tại trang 38.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.**

- a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh
- b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh
- c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: Khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 giá trị là 221.710.468.941 VNĐ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ Phải thu/(Phải trả)
Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt	Tiền lương và thưởng	4.322.498.000	
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Thành viên chủ chốt	Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	687.091.200	
Công ty CP Caric	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	-	18.932.955.239
		Thu tiền vay	3.991.811.754	

**2. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Công ty CP Quê Hương Liberty và các công ty con chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ ăn uống, nhà hàng khách sạn, hội họp. Vì vậy Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Báo cáo bộ phận: theo khu vực địa lý**

Chi tiêu	Bà Rịa Vũng Tàu	Tp.HCM	Tổng cộng
<b>1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>	-	547.183.954.621	547.183.954.621
2. Các khoản giảm trừ	-	1.043.558.833	1.043.558.833
<b>3. Doanh thu thuần</b>	-	546.140.395.788	546.140.395.788
4. Giá vốn hàng bán	-	391.533.089.234	391.533.089.234
<b>5. Lợi nhuận gộp</b>	-	154.607.306.554	154.607.306.554
6. Tài sản bộ phận	8.903.062.323	5.331.712.577.163	5.340.615.639.486
7. Tài sản không phân bổ			4.234.981.431
<b>Tổng Tài sản</b>			<b>5.344.850.620.916</b>
8. Nợ phải trả bộ phận	74.029.168	2.974.204.016.309	2.974.278.045.477
9. Nợ phải trả không phân bổ			-
<b>Tổng Nợ phải trả</b>			<b>2.974.278.045.477</b>

**3. Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty và các công ty con vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai

CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán:

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

Người Lập



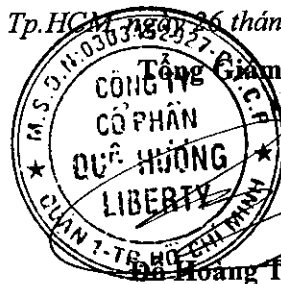
Nguyễn Thị Bích Tuyên

Kế toán trưởng



Nguyễn Như Quỳnh

Tp.HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2015



Tổng Giám đốc

Bà Hoàng Trang

51  
NG  
HIỆM  
N VÀ  
THAI  
HÍ M  
HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HUƠNG LIBERTY**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu kỳ</b>	1.779.568.810.047	30.867.366.273	15.913.518.824	2.828.673.470	11.352.951.368	1.840.531.319.982
Mua trong kỳ	-	13.999.369.415	3.185.548.454	1.132.593.056	129.500.660	18.447.011.585
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.957.223.736	-	-	-	-	4.957.223.736
Thanh lý, nhượng bán	393.929.811	-	1.090.855.372	-	-	1.484.785.183
<b>Số dư cuối kỳ</b>	1.784.132.103.972	44.866.735.688	18.008.211.906	3.961.266.526	11.482.452.028	1.862.450.770.120
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu kỳ</b>	116.309.558.112	15.002.252.725	3.823.919.620	1.169.675.101	8.350.548.960	144.655.954.518
Khấu hao trong kỳ	21.467.774.839	3.948.401.054	1.109.190.028	366.350.138	337.349.418	27.229.065.477
Thanh lý, nhượng bán	122.118.207	-	510.529.693	-	-	632.647.900
<b>Số dư cuối kỳ</b>	137.655.214.744	18.950.653.779	4.422.579.955	1.536.025.239	8.687.898.378	171.252.372.095
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	1.663.259.251.935	15.865.113.548	12.089.599.204	1.658.998.369	3.002.402.408	1.695.875.365.464
Số dư cuối kỳ	1.646.476.889.228	25.916.081.909	13.585.631.951	2.425.241.287	2.794.553.650	1.691.198.398.025

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 749.379.514.925 VNĐ.

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.475.736.053 VNĐ.

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VNĐ

\* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không phát sinh

\* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: Không phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN QUÊ HƯƠNG LIBERTY  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**21. Vốn chủ sở hữu**

**b. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>876.147.430.000</b>	<b>917.438.966.365</b>	<b>(1.970.000)</b>	<b>26.435.001.988</b>	<b>19.175.065.480</b>	<b>13.284.893.223</b>	<b>1.852.479.387.056</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	85.342.575.295	85.342.575.295
- Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(6.057.412.550)	(6.057.412.550)
- Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	(43.902.823.000)	(43.902.823.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	4.035.740.302	-	(13.512.536.334)	(9.476.796.032)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	951.561.623	951.561.623
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>876.147.430.000</b>	<b>917.438.966.365</b>	<b>(1.970.000)</b>	<b>30.470.742.290</b>	<b>19.175.065.480</b>	<b>36.106.258.257</b>	<b>1.879.336.492.392</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>876.147.430.000</b>	<b>917.438.966.365</b>	<b>(1.970.000)</b>	<b>30.470.742.290</b>	<b>19.175.065.480</b>	<b>36.106.258.257</b>	<b>1.879.336.492.392</b>
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	42.680.141.820	42.680.141.820
- Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	(74.962.939.000)	(74.962.939.000)
- Chi thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	(293.810.841)	(293.810.841)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(724.117.598)	(724.117.598)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2015</b>	<b>876.147.430.000</b>	<b>917.438.966.365</b>	<b>(1.970.000)</b>	<b>30.470.742.290</b>	<b>19.175.065.480</b>	<b>2.805.532.638</b>	<b>1.846.035.766.773</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi số			Dự phòng	Giá trị	Giá trị hợp lý	
	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015			31/12/2014	
<b>Tài sản tài chính</b>							
- Các khoản cho vay	36.432.955.239	-	44.644.412.606	-	36.432.955.239	44.644.412.606	
- Các công cụ tài chính giữ đến ngày đáo hạn	30.000.000.000	-	95.000.000.000	-	30.000.000.000	95.000.000.000	
- Phải thu khách hàng	82.713.419.283	(234.854.432)	36.433.207.104	(141.198.832)	82.478.564.851	36.292.008.272	
- Phải thu khác	12.329.932.935	-	2.444.907.411	-	12.329.932.935	2.444.907.411	
- Tiền và các khoản tương đương tiền	587.599.197.616	-	335.966.520.209	-	587.599.197.616	335.966.520.209	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>749.075.505.073</b>	<b>(234.854.432)</b>	<b>514.489.047.330</b>	<b>(141.198.832)</b>	<b>748.840.650.641</b>	<b>514.347.848.498</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>							
- Vay và nợ	1.935.871.025.798	-	1.611.701.429.979	-	1.828.122.563.763	1.499.826.214.359	
- Phải trả người bán	53.243.030.860	-	120.578.700.441	-	53.243.030.860	120.578.700.441	
- Chi phí phải trả	40.032.876.989	-	23.520.055.296	-	40.032.876.989	23.520.055.296	
- Phải trả khác	123.837.414.891	-	32.743.292.504	-	100.843.414.340	10.427.235.035	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.152.984.348.538</b>	<b>-</b>	<b>1.788.543.478.220</b>	<b>-</b>	<b>2.022.241.885.952</b>	<b>1.654.352.205.131</b>	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, cho vay ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi số của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi số.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính dài hạn khác được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất bình quân của các tổ chức tín dụng áp dụng cho các khoản nợ có điều kiện, rủi ro tín dụng và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.





Please contact us by the following addresses:

***In Ho Chi Minh City***

**\* Head office:**

**Address:** 389A Dien Bien Phu, Ward 4, District 3, HCMC  
**Tel:** (84.8) 3832 8964 (10 lines) \* **Fax:** (84.8) 3834 2957  
**Email:** info@aisc.com.vn \* **Website:** www.aisc.com.vn

***In Ha Noi City***

**\* Branch:**

**Address:** C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building -  
Pham Hung St, Cau Giay Dist - Ha Noi  
**Tel:** (04) 3782 0045 /46 /47 - **Fax:** (04) 3782 0048  
**Email:** aishn@hn.vnn.vn

***In Da Nang City***

**\* Branch:**

**Address:** 36 Ha Huy Tap St.-Thanh Khe Dist.- Da Nang City  
**Tel:** (0511) 371 5619 - **Fax:** (0511) 371 5620  
**Email:** aisckt@dng.vnn.vn

***In Can Tho City***

**\* Representative Office:**

**Address:** 5D, 30/4 St. - Ninh Kieu Dist - Can Tho City.  
**Tel:** (0710) 381 3004 - **Fax:** (0710) 382 8765

***In Hai Phong City***

**\* Representative Office:**

**Address:** 18 Hoang Van Thu St. - Hong Bang Dist - Hai Phong  
**Tel:** (031) 3569 577 - **Fax:** (031) 3569 576